

Số: 312 /TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc nộp hồ sơ thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên học kỳ II năm học 2023-2024

Căn cứ các quy định của Nhà nước về chế độ miễn giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, chế độ hỗ trợ chi phí học tập và chế độ hỗ trợ học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN thông báo về việc nộp hồ sơ để thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên học kỳ II năm học 2023-2024 như sau:

1. Đối tượng, chế độ được hưởng và hồ sơ phải nộp

1.1 Chế độ miễn giảm học phí

Văn bản quy định: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trọng lĩnh vực giáo dục, đào tạo

| TT | Đối tượng | Mức miễn/giảm | Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có chứng thực) |
|----|---|---------------|--|
| 1. | Sinh viên là các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng | Miễn | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công |
| 2. | Sinh viên khuyết tật | Miễn | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện |
| 3. | Sinh viên dưới 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội | Miễn | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện |
| 4. | SV là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo | Miễn | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy khai sinh - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm 2024 do UBND cấp xã cấp |
| 5. | Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (gồm: Công, Mảng, Pu Péo, SiLa, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền | Miễn | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy khai sinh - Giấy chứng nhận ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn do UBND cấp xã cấp |

| | | | |
|----|---|----------|--|
| 6. | Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hai đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền | Giảm 70% | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy khai sinh - Giấy chứng nhận ở thôn bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hai đảo do UBND cấp xã cấp. |
| 7. | SV là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên | Giảm 50% | - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp. - Giấy khai sinh |

Lưu ý: Mức miễn giảm học phí được thực hiện theo khoản 2 Điều 20 Nghị định 81/2001/NĐ-CP. Người học phải đóng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục và mức hỗ trợ của Nhà nước.

1.2. Chế độ trợ cấp xã hội

Văn bản quy định:

- Thông tư số 53/1998/TT-LT-BGD&ĐT/BTC/BLĐ-TBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

- Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

| TT | Đối tượng | Mức TCXH | Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có chứng thực) |
|----|--|----------------|--|
| 1. | Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa. | 100.000đ/tháng | - Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy chứng tử của Cha và Mẹ hoặc giấy xác nhận của UBND cấp xã, phường. - Giấy khai sinh |
| 2. | Sinh viên tàn tật từ 41% trở lên và có khó khăn về kinh tế | 100.000đ/tháng | - Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy giám định y khoa. - Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 |
| 3. | SV là người dân tộc ít người thường trú 3 năm trở lên tại vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. | 140.000đ/tháng | - Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy khai sinh - Giấy xác nhận thường trú 3 năm trở lên tại vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn của cơ quan có thẩm quyền |
| 4. | Sinh viên thuộc diện hộ nghèo vượt khó học tập | 100.000đ/tháng | - Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2024 |

1.3 Chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số

Văn bản quy định:

- Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư liên tịch 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục đào tạo và Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

| Đối tượng | Mức hỗ trợ/tháng | Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có chứng thực) |
|---|--|--|
| Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (<i>không áp dụng đối với sinh viên cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ</i>) | bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/năm. | - Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu) - Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 do UBND xã, phường, thị trấn cấp - Giấy khai sinh |

1.4 Chế độ hỗ trợ học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

Văn bản quy định: Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

| Đối tượng | Mức hỗ trợ/tháng | Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có chứng thực) |
|---|---|--|
| Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người gồm: Cống, Mảng, Pu Péo, SiLa, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ó Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ đang học tại Trường. <i>Lưu ý: sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người hưởng chế độ này thì không được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập thuộc mục 1.3.</i> | bằng 100% mức lương cơ sở và hưởng 12 tháng/năm | - Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu) - Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu gia đình bản sao |

2. Quy định về việc nộp hồ sơ

- Sinh viên nộp hồ sơ lần đầu **nộp đầy đủ hồ sơ** theo quy định;
- Sinh viên đã được hưởng các chế độ chính sách ở học kỳ I năm học 2023-2024 thuộc đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo **nộp bổ sung giấy hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 kèm theo đơn đề nghị**, các trường hợp khác không phải nộp lại hồ sơ.
- Thời gian nộp hồ sơ: ngày **20/3/2024** và ngày **21/3/2024** (đối với khóa QH.2020.F1, QH.2021.F1, QH.2022.F1,) ngày **02/4/2024** (đối với khóa QH.2023.F1).
- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Chính trị và Công tác HSSV (**P106 nhà A1**).

- Các trường hợp nộp hồ sơ không đầy đủ và không đúng hạn, Nhà trường sẽ không giải quyết.

Chi tiết xin liên hệ: chuyên viên phụ trách: Trần Thúy Ngân, phòng Chính trị và Công tác HSSV; điện thoại, zalo: 0983 909 736 (lưu ý: trong giờ hành chính); email: tttngan79@vnu.edu.vn.

Đề nghị Trường các Khoa đào tạo phổ biến thông báo này tới tất cả sinh viên chính quy các khóa QH.2020.F1, QH.2021.F1, QH.2022.F1, QH.2023.F1.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo)
- Các khoa đào tạo chính quy;
- Lưu: HCTH, CTHSSV, NG10.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Lê Kim Anh